

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2020/HC-PT
Ngày 19 tháng 8 năm 2020
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng
Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn
Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1171/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: tổ 2, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phùng Nguyễn L, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: đường C, phường P2, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân thành phố B.

2/. Chủ tịch UBND thành phố B.

Địa chỉ: đường 27/4, phường P3, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Vinh Q - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Thế Tr – Phó Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất. (có mặt)

3/. Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: đường P4, phường P2, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Phan Văn M - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Tấn D - Trưởng phòng Giá đất và Bồi thường giải phóng mặt bằng - Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; UBND thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 08/8/2011, UBND thị xã B (nay là thành phố B) ban hành Quyết định số 2647/QĐ-UBND (Quyết định số 2647) về việc thu hồi 1.650,8m² đất tại xã T, thị xã B của ông Phạm Văn M để đầu tư xây dựng sân bóng xã T.

Ngày 12/9/2011, UBND thị xã B (nay là thành phố B) ban hành Quyết định số 3241/QĐ-UBND (Quyết định 3241) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Phạm Văn M. Theo đó, hộ ông M không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất, chỉ được bồi thường, hỗ trợ hoa màu trồng trên diện tích đất bị thu hồi với số tiền 4.952.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định 3241, ông M có đơn khiếu nại đề nghị được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất bị thu hồi. Ngày 26/02/2013, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND (Quyết định 553) về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn M (lần đầu), bác nội dung khiếu nại của ông M. Không đồng ý Quyết định 553, ông M tiếp tục khiếu nại.

Ngày 22/01/2014, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 487/QĐ-UBND (Quyết định 487) hỗ trợ bổ sung 50% giá đất nông nghiệp cho ông M, tổng số tiền là 29.487.400 đồng. Không đồng ý, ông M khiếu nại đối với Quyết định số 487 đề nghị được hỗ trợ ổn định đời sống và chuyển đổi nghề nghiệp.

Ngày 14/7/2014, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2853/QĐ-UBND (Quyết định 2853) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, bác khiếu nại của ông M.

Ngày 12/9/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2551/QĐ-UBND (Quyết định 2551) giải quyết khiếu nại lần hai, theo đó: *“Bác nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn M yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 1.650,8m² đất nông nghiệp bị thu hồi”; “Công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại nêu trên tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 553/QĐ-UBND ngày 26/02/2013 của Chủ tịch UBND thành phố B”*.

Ngày 19/12/2018, ông Phạm Văn M khởi kiện tại Tòa án yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Phạm Văn M;
- Hủy Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 26/2/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn M;
- Hủy Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Phạm Văn M.

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện và người đại diện hợp pháp cùng trình bày:

Toàn bộ diện tích 1.650,8m² đất tại xã T, thành phố B là do gia đình ông Phạm Văn M nhận chuyển nhượng của Thân Văn M ngày 06/12/1995 và sử dụng liên tục cho đến khi Nhà nước thu hồi đất làm sân bóng T. Việc chuyển nhượng có giấy chuyển nhượng viết tay và biên lai nộp thuế.

Căn cứ điểm d khoản 1, 2, 3 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và điểm d khoản 3, 4, 5, 6, 8, 9 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì ông Phạm Văn M đủ điều kiện được bồi thường về đất.

Căn cứ Điều 11, Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì hộ ông M đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 1.650,8m²:

Theo kết quả xác minh tại Báo cáo số 67/BC-TTr ngày 21/12/2012 của Thanh tra thành phố B, các thửa đất số: 31/889,7m²; thửa 39/754,1m² và thửa 59/445,7m² tờ bản đồ số 20 xã T, được xác định tương ứng với các thửa đất số: 245/894,6m²; thửa 244/753,7m² và thửa 293/444,1m² tờ bản đồ số 13, phường P5 trước khi chia tách địa giới hành chính thành lập xã T. Kết quả xác minh tại báo cáo này đã xác định rõ nguồn gốc các thửa đất số: 31/889,7m² ; thửa 39/754,1m² và thửa 59/445,7m² tờ bản đồ số 20 xã T là đất có nguồn gốc do Tập

đoàn 9 P giao cho ông Thân Văn M sản xuất vào năm 1987, đến năm 1995 ông Thân Văn M sang nhượng lại bằng giấy tay cho ông Phạm Văn M canh tác đến khi thu hồi xây dựng sân bóng đá xã T.

Theo danh sách những thửa đất công (đất thuộc Nhà nước quản lý) do UBND phường P5 lập ngày 15/02/2006 để bàn giao cho xã T khi thành lập đơn vị hành chính, thì các thửa đất số: 31/889,7m²; thửa 39/754,1m² và thửa 59/445,7m² tờ bản đồ số 20 xã T, được xác định nằm trong danh sách được UBND phường P5 lập ngày 15/02/2006.

Căn cứ để ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 và Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 26/02/2013.

Theo danh sách những thửa đất công (đất thuộc Nhà nước quản lý) do UBND phường P5 lập ngày 15/02/2006 để bàn giao cho xã T; Biên bản ngày 09/5/2011 của UBND xã T họp xét tính pháp lý về quyền sử dụng đất của các hộ dân thuộc dự án Sân bóng đá xã T, trong đó xác định: “hộ ông Phạm Văn M diện tích thu hồi 1.680,5m² gồm thửa: 31/889,7m²; 39/754, 1m² và thửa 59/445,7m² tờ bản đồ số 20 xã T; Mục đích sử dụng nông nghiệp; Nguồn gốc sử dụng do Tập đoàn 9 P giao cho ông Thân Văn M sản xuất năm 1987, đến năm 1995 sang nhượng lại bằng giấy tay cho ông Phạm Văn M sử dụng cho đến nay. Kết luận: đất công điền, không đủ điều kiện cấp giấy.

Từ cơ sở trên, căn cứ Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giá đất, cho thuê đất; Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và căn cứ Quyết định số 52/2010/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, UBND thị xã ban hành Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 12/9/2011, là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật tại thời điểm thu hồi đất.

Quá trình giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn M đối với Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 12/9/2011, UBND thành phố đã thành lập Đoàn xác minh để làm rõ nguồn gốc, diễn biến quá trình quản lý sử dụng của ông M đối với diện tích đất 1.680,5m². Tại Báo cáo số 67/BC-TTr ngày 21/12/2012 của Thanh tra thành phố B, Đoàn đã xác minh từ các nhân chứng như: ông Vũ Thông Kh, nguyên Tập đoàn trưởng Tập đoàn 9 P; ông Lương Huy Th, nguyên Trưởng ban sản xuất thông P. Kết quả xác minh đã phản ánh chính xác nguồn gốc đất, quá trình quản lý sử dụng đối với diện tích đất 1,680,5m². Từ kết quả

xác minh, UBND thành phố ban hành Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 26/02/2013 giải quyết khiếu nại lần đầu, bác khiếu nại của ông Phạm Văn M đối với Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 12/9/2011, là có căn cứ.

Như đã phân tích, xuất phát từ việc diện tích 1.680,5m² là đất công (đất thuộc Nhà nước quản lý) do Tập đoàn 9 P giao cho ông Thân Văn M sản xuất, sau đó ông Thân Văn M sang nhượng lại bằng giấy tay cho ông Phạm Văn M, nên ông M không phải là đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất, mà diện tích đất có khiếu nại do Tập đoàn 9 quản lý giao cho tập đoàn viên sử dụng, sau đó tập đoàn viên tự ý chuyển nhượng cho người khác bằng giấy tay là không đúng quy định pháp luật đất đai, nên ông M cũng không phải là đối tượng được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Như vậy, toàn bộ diện tích đất có khiếu nại không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Ngoài ra, trên cơ sở đề xuất của UBND xã T tại Công văn số 155/UBND ngày 31/12/2013, đề nghị hỗ trợ 50% giá đất nông nghiệp đối với diện tích đất bị thu hồi tại công trình trên. UBND thành phố B đã tính toán hỗ trợ bổ sung cho ông Phạm Văn M theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 22/01/2014. Việc hỗ trợ bổ sung cho ông M là đã đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất đối với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất. Sau đó ông M khiếu nại đối với Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 22/01/2014, UBND thành phố ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2853/QĐ-UBND ngày 14/7/2014.

Trên thực tế, nội dung các Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 và Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 26/02/2013, đã được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết khiếu nại (lần 2) tại Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/9/2018, theo đó bác nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn M yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 1.650,8m² đất nông nghiệp bị thu hồi. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhận thấy không có tình tiết gì mới phát sinh làm thay đổi bản chất vụ việc, vì vậy việc ông Phạm Văn M yêu cầu hủy Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 và Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 26/02/2013 của UBND thành phố B là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Tòa án tuyên xử theo hướng, bác nội dung khởi kiện của ông M.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình bày:

Diện tích 1.650,8m² đất có khiếu nại bao gồm: các thửa 31/889,7m²; thửa 39/754,1m² và thửa 59/445,7m², tờ bản đồ số 20 xã T là đất công do Tập đoàn 9 giao cho ông Thân Văn M sản xuất, sau đó ông Thân Văn M sang nhượng lại bằng giấy tay cho ông Phạm Văn M.

Ông Phạm Văn M không phải là đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất, mà diện tích đất có khiếu nại do Tập đoàn 9 quản lý giao cho tập đoàn viên sử dụng, sau đó tập đoàn viên tự ý chuyển nhượng cho người khác. Nên ông M cũng

không phải là đối tượng được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Như vậy, toàn bộ diện tích đất có khiếu nại không đủ điều kiện để được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn M yêu cầu bồi thường 1.650,8m² đất bị thu hồi là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Phạm Văn M.

Hủy Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Phạm Văn M;

Hủy Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 26/2/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn M;

Hủy Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho hộ ông Phạm Văn M;

Hủy Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 24/12/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 26/12/2019, UBND thành phố Vũng Tàu có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, UBND thành phố Vũng Tàu đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

Người khởi kiện ông Phạm Văn M có ông Phùng Nguyễn L đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, UBND thành phố Vũng Tàu; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, UBND thành phố B làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Ông Phạm Văn M khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 3141/QĐ-UBND của UBND thị xã B (nay là thành phố B) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, Quyết định số 553/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại và Quyết định số 2551/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 487/QĐ-UBND của UBND thành phố B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung và Quyết định số 2853/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại là các quyết định hành chính có liên quan để cùng xem xét trong cùng vụ án hành chính là đúng với quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Quyết định số 3141/QĐ-UBND của UBND thị xã B (nay là thành phố B), Quyết định số 553/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B, Quyết định số 2551/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Quyết định số 487/QĐ-UBND của UBND thành phố B và Quyết định số 2853/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B được ban hành đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai 2003 và Luật khiếu nại.

[2.3] Về nội dung các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Người bị kiện thừa nhận diện tích đất thu hồi 1.650,8m² ông Phạm Văn M nhận chuyển nhượng từ ông Thân Văn M bằng giấy tay ngày 06/12/1995 và sử dụng từ đó đến nay. Tuy nhiên, nguồn gốc đất do UBND thị trấn B quản lý, giao cho Tập đoàn 9 P phân bổ cho các đoàn viên sản xuất; trong đó ông Thân Văn M là người được Tập đoàn 9 phân bổ sử dụng năm 1987. Việc ông Thân Văn M

chuyển nhượng lại cho ông M sử dụng là không đúng quy định pháp luật nên ông M không phải là đối tượng được bồi thường về đất khi bị thu hồi.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Báo cáo kết quả xác minh số 380/BC-TTr.NV2 ngày 21/12/2015 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì UBND phường P5 xác định Tập đoàn 9 P được thành lập vào thời gian nào, do ai thành lập và giao đất như thế nào UBND phường P5 không được biết; khi Tập đoàn 9 tan rã thì không bàn giao lại cho phường P5; các hộ dân vẫn tiếp tục sản xuất.

Người bị kiện cho rằng diện tích đất thu hồi của ông M trước đây do Tập đoàn 9 quản lý nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào khác ngoài Danh sách những thửa đất công điền bàn giao cho xã T ngày 15/02/2006. Tuy nhiên danh sách này chỉ có chữ ký của người lập bảng là ông Nguyễn Thành S – cán bộ địa chính. Ông S khai việc lập danh sách không có hồ sơ thửa đất kèm theo, các thửa đất thực tế các hộ dân vẫn tiếp tục sử dụng.

Trong khi đó, ông Phạm Văn M cung cấp Sổ kê khai diện tích và thu nộp thuế nông nghiệp do UBND thị trấn B cấp ngày 10/8/1992 (sau khi Tập đoàn 9 giải thể) thể hiện hộ bà Nguyễn Thị R (vợ ông Thân Văn M) có kê khai và đóng thuế đối với diện tích đất 7.650m², loại đất trồng lúa. Quá trình sử dụng đất của ông Phạm Văn M từ năm 1995 đến nay là ổn định, liên tục và có đóng thuế với nhà nước. Mặc dù ông M không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, tuy nhiên việc ông M sử dụng diện tích đất thu hồi không có tranh chấp, không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ thì ông M đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp (không vượt quá hạn mức được giao) khi nhà nước thu hồi đất.

Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của UBND thị xã B (nay là thành phố B) và Quyết định số 487-UBND ngày 22/01/2014 của UBND thành phố B phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Phạm Văn M chỉ bồi thường cho ông M 50% giá trị đất nông nghiệp và hoa màu trên đất là không đúng với quy định pháp luật.

Các Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Chủ tịch UBND thành phố B, Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu và Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết khiếu nại, bác yêu cầu của ông Phạm Văn M là không có căn cứ, không phù hợp với quy định pháp luật.

Ông Phạm Văn M khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M là có căn cứ; tuy nhiên phần quyết định của bản án sơ thẩm có thiếu sót, không tuyên hủy Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của

Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có thụ lý giải quyết và nhận định cần hủy Quyết định số 2551/QĐ-UBND; việc không tuyên trong phần quyết định là có thiếu sót nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại phần tuyên án cho đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, UBND thành phố B; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, UBND thành phố B phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, UBND thành phố B. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 115/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Phạm Văn M.

Hủy Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Phạm Văn M;

Hủy Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 26/2/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn M;

Hủy Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 của UBND thành phố B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho ông Phạm Văn M;

Hủy Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn M;

Hủy Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Phạm Văn M.

2/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, UBND thành phố B, mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0004252 ngày 02/01/2020 và số 0003346 ngày 26/12/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Các đương sự đã thực hiện xong.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long

Phạm Trí Tuấn

Hoàng Thanh Dũng